

Số: 610 /KH-UBND

Hà Tĩnh, ngày 06 tháng 9 năm 2026

**KẾ HOẠCH**

**Triển khai thực hiện Quyết định số 1538/QĐ-TTg ngày 12/8/2026  
của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh**

Thực hiện Quyết định số 1538/QĐ-TTg ngày 12/8/2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Thông báo số 123-TB/VPTW ngày 16/7/2026 của Văn phòng Trung ương Đảng thông báo kết luận của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm tại buổi làm việc về chất lượng nguồn lao động Việt Nam, giải pháp tạo việc làm bền vững ở nông thôn, đô thị, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và công tác đào tạo nguồn nhân lực trong giai đoạn phát triển mới; theo đề nghị của Sở Nội vụ tại Văn bản số 5189/SNV-LĐVL ngày 25/8/2026 (sau khi tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan), Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

a) Tổ chức quán triệt và triển khai nghiêm túc, đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp tại Thông báo số 123-TB/VPTW của Văn phòng Trung ương Đảng và Quyết định số 1538/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; tạo chuyển biến rõ nét trong phát triển nguồn nhân lực, nâng cao chất lượng việc làm, năng suất lao động, thu nhập và đời sống người lao động trên địa bàn tỉnh.

b) Cụ thể hóa các nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với điều kiện, tiềm năng, lợi thế và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; gắn phát triển nguồn nhân lực và tạo việc làm bền vững với đổi mới mô hình tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, phát triển công nghiệp, dịch vụ, nông nghiệp hiện đại, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và hội nhập quốc tế.

c) Chủ động chuẩn bị nguồn nhân lực đảm bảo về số lượng, từng bước nâng cao về chất lượng, có cơ cấu ngành, nghề phù hợp, đáp ứng nhu cầu nhân lực của các khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, các dự án đầu tư lớn, công trình trọng điểm và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; đồng thời chú trọng tạo việc làm bền vững, nâng cao thu nhập, cải thiện điều kiện làm việc và chất lượng cuộc sống của người lao động gắn với yêu cầu thực hiện các đột phá chiến lược, mục tiêu tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động của tỉnh trong giai đoạn 2026-2030.

d) Việc tổ chức thực hiện phải đảm bảo thống nhất, đồng bộ, theo phương châm rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ kết quả, rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền; đề cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương; tăng cường phối hợp liên ngành, kiểm tra, đôn đốc, đánh giá kết quả thực hiện, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng

mắc; bảo đảm các nhiệm vụ được triển khai thiết thực, hiệu quả, phù hợp chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và khả năng cân đối, huy động các nguồn lực của tỉnh.

**II. CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU:** chi tiết tại Phụ lục số 01 kèm theo.

### **III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP**

#### **1. Tạo việc làm bền vững ở đô thị gắn với mô hình tăng trưởng mới, phát triển doanh nghiệp và nâng cao chất lượng sống**

a) Gắn mục tiêu tạo việc làm với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, thu hút đầu tư và phát triển các ngành, lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế của tỉnh; ưu tiên các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, luyện kim, năng lượng, logistics, công nghiệp hỗ trợ, thương mại, du lịch, dịch vụ, kinh tế số, kinh tế xanh và các lĩnh vực có khả năng tạo nhiều việc làm, nâng cao năng suất, thu nhập của người lao động.

b) Thu hút, lựa chọn các dự án đầu tư theo hướng ưu tiên công nghệ tiên tiến, giá trị gia tăng cao, sử dụng lao động hiệu quả, tạo việc làm ổn định và có khả năng hình thành đội ngũ lao động kỹ thuật, lao động có kỹ năng; hạn chế các dự án chủ yếu dựa vào lao động giản đơn, tiêu hao nhiều tài nguyên và năng lượng.

c) Hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh, khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo; thúc đẩy chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới phương thức quản trị và tổ chức sản xuất nhằm nâng cao năng suất lao động, mở rộng sản xuất, kinh doanh và tạo thêm việc làm. Phát triển việc làm trong khu vực dịch vụ, du lịch, thương mại, kinh tế số và các ngành nghề mới; thúc đẩy tạo việc làm chính thức, việc làm có năng suất, thu nhập và mức độ bảo đảm an sinh xã hội ngày càng cao.

d) Rà soát, dự báo nhu cầu nhân lực tại các khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, các dự án lớn, công trình trọng điểm và các ngành, lĩnh vực có nhu cầu sử dụng nhiều lao động trên địa bàn tỉnh; xây dựng phương án đào tạo, kết nối, điều tiết và thu hút lao động, chủ động phòng ngừa, hạn chế nguy cơ thiếu hụt nhân lực ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiến độ thực hiện các dự án.

đ) Tăng cường các giải pháp nâng cao chất lượng việc làm; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về lao động, tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, an toàn, vệ sinh lao động; khuyến khích doanh nghiệp cải thiện điều kiện làm việc, tiền lương, phúc lợi, cơ hội đào tạo, thăng tiến và xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiến bộ.

e) Quan tâm phát triển đồng bộ nhà ở xã hội, nhà ở cho công nhân, người lao động; hệ thống giao thông, trường học, cơ sở y tế, thiết chế văn hóa, thể thao và các dịch vụ thiết yếu tại các khu vực đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp, nơi tập trung đông lao động; từng bước nâng cao chất lượng sống, tạo điều kiện để người lao động và gia đình yên tâm làm việc, sinh sống lâu dài trên địa bàn tỉnh.

g) Đẩy mạnh tư vấn, hướng nghiệp, giới thiệu việc làm, cung ứng lao động và kết nối cung - cầu lao động. Rà soát, nắm bắt nhu cầu việc làm, đào tạo lại, đào tạo nâng cao kỹ năng để hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp cho người lao động, nhất là lao động phi chính thức, lao động bị mất việc làm hoặc có nguy cơ mất việc làm tại vùng

đô thị. Tăng cường kết nối người lao động với doanh nghiệp, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh, gắn đào tạo, nâng cao kỹ năng với nhu cầu tuyển dụng và sử dụng lao động thực tế.

## **2. Tạo việc làm bền vững ở nông thôn gắn với nâng cao giá trị lao động, thúc đẩy chuyển dịch lao động có kỹ năng và bảo đảm sinh kế bền vững**

a) Chú trọng tạo việc làm tại chỗ, nâng cao giá trị việc làm trong nông nghiệp; phát triển ngành nghề nông thôn, sản phẩm OCOP, kinh tế trang trại, kinh tế hợp tác, nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp xanh, kinh tế tuần hoàn; nâng cao chất lượng xây dựng nông thôn mới; phát triển du lịch nông thôn, du lịch cộng đồng, mô hình homestay và các dịch vụ phù hợp với điều kiện, lợi thế của từng địa phương; gắn sản xuất với chế biến, tiêu thụ sản phẩm và phát triển chuỗi giá trị nhằm nâng cao năng suất, thu nhập, tạo việc làm ổn định và sinh kế bền vững cho lao động nông thôn.

b) Khuyến khích phát triển các mô hình kinh tế nông thôn gắn với du lịch nông nghiệp, du lịch cộng đồng, dịch vụ, thương mại điện tử và chuyển đổi số; hỗ trợ người dân, hợp tác xã, cơ sở sản xuất ứng dụng công nghệ trong quản lý, quảng bá, tiêu thụ sản phẩm và mở rộng thị trường.

c) Thường xuyên rà soát, cập nhật nhu cầu việc làm, học nghề, chuyển đổi nghề của lao động nông thôn; đổi mới đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo hướng gắn với nhu cầu thị trường, việc làm và sinh kế; ưu tiên đào tạo nhân lực phục vụ phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sinh thái, kinh tế tuần hoàn, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và thích ứng với biến đổi khí hậu; lựa chọn nội dung, hình thức đào tạo phù hợp với điều kiện sản xuất, kinh doanh và đặc điểm của từng nhóm lao động.

d) Tiếp tục triển khai hiệu quả các chương trình tín dụng chính sách hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm; ưu tiên các mô hình sản xuất, kinh doanh, khởi nghiệp, phát triển ngành nghề nông thôn, hợp tác xã và các dự án có khả năng tạo nhiều việc làm, sinh kế bền vững cho người dân.

đ) Xây dựng lộ trình chuyển dịch lao động nông thôn phù hợp với quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động của tỉnh; mở rộng cơ hội chuyển sang làm nông nghiệp hiện đại, công nghiệp, dịch vụ tại chỗ, tham gia chuỗi giá trị vùng, làm việc tại các khu kinh tế, khu công nghiệp hoặc đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; chú trọng hỗ trợ người lao động chuyển đổi nghề, nâng cao kỹ năng và thích ứng với thay đổi của thị trường lao động.

e) Trang bị cho lao động nông thôn kỹ năng nghề, kỹ năng số, kỹ năng xanh, kỷ luật lao động, kiến thức pháp luật và khả năng tiếp cận bảo hiểm, tín dụng, thông tin thị trường lao động, tích lũy việc làm; khuyến khích phát triển đội ngũ nông dân chuyên nghiệp, nông dân số và lao động kỹ thuật chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn.

## **3. Tạo việc làm bền vững ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số gắn với khơi dậy nội lực, giảm nghèo bền vững và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc**

a) Đổi mới công tác hướng nghiệp, đào tạo nghề và phát triển kỹ năng cho lao động vùng đồng bào dân tộc thiểu số theo hướng gắn với nhu cầu việc làm, sinh kế, điều kiện tự nhiên, văn hóa, tập quán sản xuất và nhu cầu thị trường; lựa chọn ngành, nghề, nội dung và hình thức đào tạo phù hợp với từng địa bàn, từng nhóm lao động, tránh đào tạo hình thức, theo phong trào, không hiệu quả. Gắn kết quả đào tạo với giải quyết việc làm, tổ chức sản xuất, tiêu thụ sản phẩm và nâng cao thu nhập của người dân.

b) Phát triển các mô hình sinh kế phù hợp với điều kiện tự nhiên, tập quán sản xuất, văn hóa và lợi thế của từng địa bàn; ưu tiên các lĩnh vực có khả năng tạo việc làm, nâng cao thu nhập và phát triển bền vững như nông nghiệp đặc sản, kinh tế rừng, dược liệu, chăn nuôi, ngành nghề, nghề thủ công truyền thống, du lịch cộng đồng và các sản phẩm đặc trưng của địa phương; hỗ trợ người dân, hợp tác xã, hộ sản xuất, kinh doanh tham gia các mô hình sản xuất và chuỗi giá trị phù hợp.

c) Mở rộng kết nối thị trường, dịch vụ việc làm và hỗ trợ phát triển sản xuất cho lao động vùng đồng bào dân tộc thiểu số; tăng cường cung cấp thông tin thị trường lao động, tư vấn, giới thiệu việc làm, đào tạo nghề, tư vấn pháp luật; bồi dưỡng kỹ năng sản xuất, kinh doanh, kỹ năng số, kỹ năng quản lý; tạo điều kiện tiếp cận tín dụng, hạ tầng phục vụ sản xuất; hỗ trợ xây dựng thương hiệu, tiêu chuẩn sản phẩm, liên kết sản xuất, kết nối thị trường và tiêu thụ sản phẩm theo quy định.

d) Đẩy mạnh tạo việc làm an toàn, bền vững tại chỗ, gắn với các ngành, nghề và mô hình sinh kế phù hợp; đồng thời tăng cường tư vấn, kết nối, hỗ trợ người lao động có nhu cầu vào làm việc tại các khu kinh tế, khu công nghiệp, doanh nghiệp, dự án trên địa bàn tỉnh, làm việc tại các địa phương khác hoặc đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

đ) Tăng cường tuyên truyền, cung cấp thông tin và quản lý lao động, chủ động phòng ngừa, hạn chế tình trạng di cư tự do, việc làm không ổn định; phòng ngừa người lao động bị lạm dụng, lừa đảo trong tuyển dụng, tìm kiếm việc làm và đi làm việc ở nước ngoài; hỗ trợ người lao động tiếp cận đầy đủ, kịp thời các chính sách về việc làm, đào tạo nghề, bảo hiểm và an sinh xã hội.

e) Lồng ghép có hiệu quả nguồn lực từ các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án, chính sách có liên quan để hỗ trợ tạo việc làm, phát triển sinh kế, nâng cao thu nhập, cải thiện điều kiện sống của người dân gắn với bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững; khuyến khích phát triển các mô hình việc làm, sản xuất, kinh doanh gắn với bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học, phục hồi hệ sinh thái, phát huy giá trị văn hóa truyền thống; góp phần bảo đảm an ninh, trật tự và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc; bảo đảm hỗ trợ đúng đối tượng, phù hợp nhu cầu và phát huy được nội lực của cộng đồng.

g) Khuyến khích phát triển các loại hình du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái, homestay, các sản phẩm thủ công, sản phẩm văn hóa truyền thống gắn với bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc; hỗ trợ ứng dụng công nghệ số, thương mại điện tử trong quảng bá, giới thiệu và tiêu thụ sản phẩm, tạo việc làm và nâng cao thu nhập cho người dân.

#### **4. Đổi mới đào tạo nguồn nhân lực gắn với xây dựng hệ thống phát triển kỹ năng quốc gia, chuyển từ đáp ứng nhu cầu trước mắt sang chuẩn bị năng lực cạnh tranh dài hạn**

a) Triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp của Đề án phát triển nguồn nhân lực tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2026-2030<sup>1</sup> và các đề án, kế hoạch phát triển giáo dục, giáo dục nghề nghiệp; đổi mới công tác phân luồng, hướng nghiệp, giáo dục nghề nghiệp; chuyển mạnh từ đào tạo theo khả năng của cơ sở đào tạo sang đào tạo theo nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, nhu cầu thị trường lao động và yêu cầu về kỹ năng của doanh nghiệp.

b) Nghiên cứu, triển khai mô hình đào tạo nghề kép, kết hợp đào tạo kiến thức, kỹ năng cơ bản tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp với đào tạo thực hành, thực tập tại doanh nghiệp theo quy định; khuyến khích doanh nghiệp tham gia xây dựng chương trình, tổ chức đào tạo, bố trí chuyên gia, cán bộ kỹ thuật hướng dẫn thực hành, đánh giá kỹ năng và tuyển dụng người học sau đào tạo.

c) Đẩy mạnh đào tạo theo nhu cầu và đặt hàng của doanh nghiệp; tăng cường liên kết giữa cơ quan quản lý nhà nước, cơ sở giáo dục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp gắn quy mô, ngành, nghề và trình độ đào tạo với quy hoạch, định hướng phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu nhân lực của tỉnh; thường xuyên rà soát, tổng hợp nhu cầu tuyển dụng, nhu cầu đào tạo của doanh nghiệp, nhất là tại các khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, các dự án lớn và ngành, lĩnh vực trọng điểm để định hướng, đặt hàng đào tạo đảm bảo hiệu quả; khuyến khích doanh nghiệp tham gia xây dựng chương trình, tổ chức thực hành, đánh giá kỹ năng và tuyển dụng lao động sau đào tạo.

d) Đẩy mạnh đào tạo lại, đào tạo nâng cao và học tập suốt đời cho người lao động; tạo điều kiện để người lao động thường xuyên học tập, bổ sung kiến thức, nâng cao và chuyển đổi kỹ năng, tích lũy chứng chỉ, tín chỉ kỹ năng; chú trọng đào tạo kỹ năng số, kỹ năng xanh và các kỹ năng mới, nâng cao khả năng thích ứng của người lao động trước yêu cầu chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, biến đổi khí hậu, đổi mới công nghệ và tái cấu trúc việc làm.

đ) Rà soát, xác định cụ thể nhu cầu đào tạo theo từng ngành, nghề và trình độ, phù hợp với định hướng phát triển và nhu cầu nhân lực của tỉnh; ưu tiên đào tạo nhân lực phục vụ công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghệ số, bán dẫn, logistics, nông nghiệp công nghệ cao, kinh tế xanh, dịch vụ hiện đại và các ngành, nghề phù hợp với sinh kế tại địa phương; chú trọng các ngành, nghề đang có nhu cầu nhân lực lớn tại các khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, doanh nghiệp và các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh.

e) Từng bước đổi mới việc bố trí, sử dụng nguồn lực cho đào tạo, ưu tiên các ngành, nghề có nhu cầu nhân lực lớn, khả năng tạo việc làm và thu nhập ổn định; gắn hiệu quả đào tạo với tỷ lệ người học có việc làm, mức thu nhập sau đào tạo, mức độ đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp và hiệu quả sử dụng lao động.

---

<sup>1</sup> Theo Quyết định số 1634/QĐ-UBND ngày 23/6/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Đề án phát triển nguồn nhân lực tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2026-2030

## **5. Mở rộng các kênh tạo việc làm, nâng cao kỹ năng của người lao động và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội**

a) Nâng cao hiệu quả công tác đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; tăng cường thông tin, tuyên truyền, tư vấn, tuyển chọn, đào tạo và hỗ trợ người lao động tham gia các thị trường, ngành, nghề có thu nhập, điều kiện làm việc và yêu cầu kỹ năng cao; tăng cường quản lý hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài, kịp thời hỗ trợ, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động.

b) Tăng cường kết nối người lao động sau khi hoàn thành hợp đồng ở nước ngoài trở về địa phương với thị trường lao động trong tỉnh; tổ chức tư vấn, giới thiệu việc làm, kết nối với các doanh nghiệp, khu kinh tế, khu công nghiệp, cơ sở sản xuất, hợp tác xã, doanh nghiệp nhỏ và vừa và các chương trình hỗ trợ khởi nghiệp; phát huy kỹ năng, kinh nghiệm, ngoại ngữ, vốn và tác phong công nghiệp được tích lũy trong thời gian làm việc ở nước ngoài, góp phần bổ sung nguồn nhân lực có kỹ năng cho tỉnh.

c) Xây dựng, hoàn thiện hệ thống thông tin thị trường lao động của tỉnh, kết nối với hệ thống thông tin thị trường lao động quốc gia; tăng cường thu thập, cập nhật, kết nối, chia sẻ, đối soát, xác thực và khai thác dữ liệu về người lao động, việc làm, nhu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp, giáo dục, đào tạo và bảo hiểm xã hội, phục vụ kết nối cung - cầu lao động và hoạch định chính sách phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

d) Rà soát, đánh giá thực trạng chất lượng nguồn lao động trên địa bàn tỉnh theo ngành, nghề, trình độ và địa bàn; tổ chức thu thập, cập nhật thông tin về tình hình cung - cầu, thiếu hụt lao động và kỹ năng; phối hợp xây dựng, cập nhật bản đồ thiếu hụt lao động và kỹ năng, làm cơ sở xác định nhu cầu đào tạo, thu hút, điều tiết và sử dụng lao động phù hợp.

đ) Nâng cao năng lực thu thập, tổng hợp, phân tích, đánh giá và dự báo thị trường lao động, nhu cầu nhân lực và kỹ năng nghề trên địa bàn tỉnh; chú trọng dự báo nhu cầu nhân lực của các khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, các dự án lớn, công trình trọng điểm và các ngành, lĩnh vực có nhu cầu sử dụng nhiều lao động; cung cấp kịp thời thông tin phục vụ hoạch định chính sách, định hướng đào tạo, tuyển dụng và điều tiết cung - cầu lao động.

e) Hiện đại hóa, nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh; đa dạng hóa các hình thức tổ chức phiên giao dịch việc làm trực tiếp, trực tuyến, lưu động; mở rộng và nâng cao chất lượng các dịch vụ thông tin thị trường lao động, tư vấn, hướng nghiệp, giới thiệu việc làm, kết nối cung - cầu lao động, đào tạo kỹ năng và hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp cho người lao động.

g) Tổ chức triển khai các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Đề án phát triển nguồn nhân lực quốc gia đáp ứng thị trường lao động hiện đại sau khi được cấp có thẩm quyền ban hành; chủ động lồng ghép, cụ thể hóa các nội dung phù hợp với quy hoạch, định hướng phát triển kinh tế - xã hội và yêu cầu phát triển nguồn nhân lực của tỉnh.

#### IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành; nguồn kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, đề án, kế hoạch có liên quan; nguồn vốn của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân và các nguồn huy động hợp pháp khác.

2. Các sở, ban, ngành, địa phương chủ động lồng ghép nhiệm vụ của Kế hoạch với các chương trình, đề án, kế hoạch đang triển khai.

#### V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

**1. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội:** phối hợp tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tham gia học nghề, nâng cao kỹ năng, chuyển đổi việc làm; hỗ trợ các mô hình khởi nghiệp, tạo việc làm và giám sát việc thực hiện các chính sách liên quan đến người lao động.

##### 2. Sở Nội vụ

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan tổ chức thực hiện Kế hoạch này đảm bảo tiến độ, chất lượng, hiệu quả, thiết thực; là đầu mối tổng hợp giải quyết hoặc tham mưu giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện; định kỳ hoặc đột xuất khi có yêu cầu tổng hợp, báo cáo Bộ Nội vụ, Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch trên địa bàn tỉnh theo quy định.

b) Chủ trì theo dõi, phân tích, đánh giá và dự báo cung - cầu lao động; tổng hợp nhu cầu tuyển dụng của các doanh nghiệp, dự án; tham mưu các giải pháp phát triển thị trường lao động, tạo việc làm, nâng cao chất lượng việc làm và thu hút nguồn nhân lực, nhất là nhu cầu nhân lực tại các khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, các dự án lớn, công trình trọng điểm; phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu giải pháp đào tạo, kết nối, điều tiết và sử dụng lao động phù hợp với nhu cầu thị trường lao động.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương nâng cao hiệu quả công tác đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; tăng cường thông tin, tư vấn, quản lý, hỗ trợ và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người lao động; kết nối người lao động sau khi hoàn thành hợp đồng ở nước ngoài trở về địa phương với thị trường lao động trong tỉnh, phát huy kỹ năng, kinh nghiệm, ngoại ngữ và tác phong công nghiệp của người lao động.

d) Phối hợp đề xuất chính sách đặc thù, lồng ghép các nhiệm vụ tạo việc làm bền vững, đào tạo gắn với sinh kế, thông tin thị trường lao động và dịch vụ việc làm cho lao động vùng đồng bào dân tộc thiểu số vào các chương trình, chính sách có liên quan.

đ) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương tiếp tục triển khai có hiệu quả Kế hoạch số 223/KH-UBND và Văn bản số 5939/UBND-VX<sub>2</sub> ngày 22/6/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh<sup>2</sup>; chỉ đạo, hướng dẫn Trung tâm Dịch vụ việc làm Hà

<sup>2</sup> Kế hoạch số 223/KH-UBND ngày 24/4/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về tăng cường kết nối cung - cầu lao động, vận động, thu hút người lao động Hà Tĩnh về làm việc tại địa phương; Văn bản số 5939/UBND-VX<sub>2</sub>

Tăng cường chất lượng, hiệu quả, tần suất tư vấn, giới thiệu việc làm, kết nối cung - cầu lao động; tăng cường ứng dụng công nghệ, phát triển, khai thác dữ liệu thị trường lao động và tổ chức các hoạt động kết nối tuyển dụng phù hợp với nhu cầu của doanh nghiệp.

e) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan rà soát, đánh giá nhu cầu, tham mưu, đề xuất cơ chế, chính sách về việc làm, thu hút lao động ngoài tỉnh và thu hút, kết nối lao động Hà Tĩnh đang làm việc ở ngoài tỉnh, ở nước ngoài trở về địa phương làm việc, phù hợp với thẩm quyền và quy định của pháp luật.

g) Tăng cường hướng dẫn, kiểm tra theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền việc thực hiện các quy định của pháp luật về lao động, tiền lương, bảo hiểm thất nghiệp, an toàn, vệ sinh lao động; phối hợp với các cơ quan liên quan thúc đẩy cải thiện điều kiện làm việc, thu nhập, phúc lợi và xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiến bộ.

#### h) Chỉ đạo Trung tâm Dịch vụ việc làm Hà Tĩnh

- Chủ động thu thập, cập nhật thông tin về nhu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp và nhu cầu tìm kiếm việc làm của người lao động; trên cơ sở dữ liệu do các địa phương cung cấp, rà soát, phân loại lao động theo ngành, nghề, trình độ, kỹ năng, kinh nghiệm, địa bàn và nhu cầu việc làm để chủ động tư vấn, giới thiệu, cung ứng lao động, kết nối kịp thời với doanh nghiệp khi phát sinh nhu cầu tuyển dụng.

- Tiếp tục phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường triển khai có hiệu quả, hoàn thành các chỉ tiêu, mục tiêu tại Kế hoạch số 223/KH-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh; đa dạng hóa các hình thức kết nối cung - cầu lao động; tổ chức các phiên giao dịch việc làm trực tiếp, trực tuyến, lưu động, ngày hội việc làm; đối với các dự án trọng điểm, doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng số lượng lớn, chủ động phối hợp với Ủy ban nhân dân các xã, phường, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp tổ chức các phiên giao dịch việc làm chuyên đề, theo cụm địa phương, phù hợp với nhu cầu tuyển dụng và điều kiện thực tế góp phần nâng cao hiệu quả kết nối cung - cầu lao động.

- Kết nối, chia sẻ, khai thác đồng bộ dữ liệu về người lao động, nhu cầu tuyển dụng, nhu cầu tìm việc và thị trường lao động từ Cơ sở dữ liệu người lao động và Hệ thống thông tin việc làm Hà Tĩnh ([vieclamhatinh.vn](http://vieclamhatinh.vn)) với hệ thống IOC và nền tảng ứng dụng công dân số i-HaTinh theo nhiệm vụ Ủy ban nhân dân tỉnh giao tại Kế hoạch số 591/KH-UBND ngày 25/8/2026<sup>3</sup>; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số, nền tảng số và các kênh truyền thông số trong cung cấp thông tin thị trường lao động, tư vấn, hướng nghiệp, giới thiệu việc làm; thường xuyên cập nhật, cung cấp thông tin về nhu cầu tuyển dụng, tiền lương, điều kiện làm việc, nhà ở, phúc lợi và các chính sách liên quan của doanh nghiệp đến Ủy ban nhân dân các xã, phường và người lao động, phục vụ công tác tuyên truyền, kết nối cung - cầu lao động và giải quyết việc làm.

---

ngày 22/6/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch số 223/KH-UBND ngày 24/4/2026

<sup>3</sup> Kế hoạch số 591/KH-UBND ngày 25/8/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai các nền tảng số, cơ sở dữ liệu các ngành phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, đồng bộ với hệ thống IOC và phát triển ứng dụng công dân số i-HaTinh.

- Tăng cường tư vấn, kết nối việc làm cho lao động Hà Tĩnh đang làm việc ngoài tỉnh, người lao động hoàn thành hợp đồng ở nước ngoài trở về địa phương, học sinh, sinh viên chuẩn bị tốt nghiệp và người lao động có nhu cầu chuyển đổi việc làm; chú trọng kết nối với các doanh nghiệp, dự án có nhu cầu nhân lực lớn trên địa bàn tỉnh.

### **3. Sở Giáo dục và Đào tạo**

a) Chủ trì triển khai các nhiệm vụ về phát triển giáo dục, giáo dục nghề nghiệp gắn với nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của tỉnh. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng, cập nhật dữ liệu về nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, phục vụ đánh giá, hoạch định chính sách phát triển nguồn nhân lực của tỉnh theo quy định.

b) Đẩy mạnh phân luồng, hướng nghiệp; gắn quy mô, cơ cấu ngành, nghề và trình độ đào tạo với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, thị trường lao động và nhu cầu sử dụng nhân lực của doanh nghiệp.

c) Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tăng cường liên kết với doanh nghiệp; đẩy mạnh đào tạo theo nhu cầu, đặt hàng của doanh nghiệp; nghiên cứu triển khai mô hình đào tạo nghề kép, tăng thời lượng thực hành, thực tập tại doanh nghiệp; phối hợp để doanh nghiệp tham gia xây dựng chương trình, tổ chức đào tạo, đánh giá kỹ năng và tuyển dụng người học sau đào tạo.

d) Chủ trì, phối hợp triển khai đào tạo nghề, phát triển kỹ năng cho lao động vùng đồng bào dân tộc thiểu số gắn với nhu cầu việc làm, sinh kế và điều kiện thực tế của từng địa bàn; lựa chọn ngành, nghề, nội dung và hình thức đào tạo phù hợp, bảo đảm đào tạo gắn với giải quyết việc làm, phát triển sản xuất và nâng cao thu nhập.

đ) Phối hợp với Sở Nội vụ, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh và các đơn vị liên quan rà soát nhu cầu nhân lực theo ngành, nghề, trình độ để điều chỉnh quy mô, ngành, nghề đào tạo; ưu tiên đào tạo các ngành, nghề phục vụ khu kinh tế, khu công nghiệp, các dự án lớn và các ngành, lĩnh vực trọng điểm của tỉnh.

e) Đẩy mạnh đào tạo lại, đào tạo nâng cao, đào tạo kỹ năng số, kỹ năng xanh, kỹ năng nghề mới; tạo điều kiện để người lao động học tập suốt đời, nâng cao và chuyển đổi kỹ năng, thích ứng với chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, đổi mới công nghệ và thay đổi cơ cấu việc làm.

g) Chỉ đạo các cơ sở giáo dục nghề nghiệp: rà soát, đổi mới chương trình, nội dung và phương thức đào tạo gắn với nhu cầu của thị trường lao động và doanh nghiệp; tăng cường hợp tác với doanh nghiệp trong xây dựng chương trình, tổ chức đào tạo thực hành, thực tập, đánh giá kỹ năng và hỗ trợ kết nối, tuyển dụng người học sau đào tạo; mở rộng đào tạo theo đặt hàng, đào tạo lại, đào tạo nâng cao, đào tạo ngắn hạn và phát triển các chương trình đào tạo kỹ năng mới đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp và người lao động.

### **4. Sở Tài chính**

a) Phối hợp tham mưu các giải pháp thu hút đầu tư, phát triển doanh nghiệp, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh, góp phần mở rộng sản xuất, kinh doanh và tạo việc làm.

b) Trên cơ sở đề xuất của Sở Nội vụ và các đơn vị liên quan, tham mưu phương án kinh phí thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch phù hợp với các quy định của pháp luật và khả năng cân đối ngân sách.

### **5. Sở Nông nghiệp và Môi trường**

a) Chủ trì triển khai các giải pháp tạo việc làm, phát triển sinh kế bền vững ở khu vực nông thôn; phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế rừng, ngành nghề nông thôn, sản phẩm OCOP, hợp tác xã và các chuỗi liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm.

b) Phối hợp tổ chức đào tạo nghề, đào tạo kỹ năng cho lao động nông thôn gắn với sản xuất, việc làm và sinh kế; thúc đẩy chuyển dịch lao động nông thôn phù hợp với quá trình cơ cấu lại ngành nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn.

c) Chủ trì, phối hợp hỗ trợ phát triển các mô hình sinh kế, sản xuất và tạo việc làm tại chỗ cho đồng bào dân tộc thiểu số; chú trọng kinh tế rừng, dược liệu, chăn nuôi, nông nghiệp đặc sản, ngành nghề nông thôn và các sản phẩm đặc trưng của địa phương; tăng cường liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm gắn với bảo vệ rừng, môi trường và phát triển bền vững.

### **6. Sở Khoa học và Công nghệ**

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương triển khai các giải pháp phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số gắn với nâng cao năng suất lao động, chất lượng nguồn nhân lực và tạo việc làm; hỗ trợ người dân và doanh nghiệp ứng dụng, đổi mới, chuyển giao công nghệ, chuyển đổi số trong sản xuất, kinh doanh.

b) Phối hợp xác định nhu cầu và tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số, kỹ năng công nghệ, đổi mới sáng tạo cho người lao động; chú trọng phát triển nguồn nhân lực phục vụ các ngành, lĩnh vực công nghệ cao, công nghệ số, bán dẫn và các lĩnh vực mới theo định hướng phát triển của tỉnh.

**7. Sở Công Thương:** theo chức năng, nhiệm vụ, phối hợp phát triển việc làm gắn với phát triển công nghiệp, thương mại, logistics, công nghiệp hỗ trợ và các cụm công nghiệp; theo dõi, tổng hợp nhu cầu nhân lực của các ngành công nghiệp, thương mại để phối hợp đào tạo, kết nối cung - cầu và cung ứng lao động.

**8. Sở Xây dựng:** chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương rà soát, tham mưu triển khai các giải pháp phát triển nhà ở xã hội, nhà ở cho công nhân, người lao động và phát triển đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội thiết yếu tại các khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp và các khu vực tập trung đông người lao động.

**9. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch:** theo chức năng, nhiệm vụ, phối hợp phát triển du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số; bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống gắn với xây dựng sản phẩm du lịch, góp phần tạo sinh kế, việc làm và nâng cao thu nhập cho người dân.

### **10. Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh**

a) Chủ trì rà soát nhu cầu lao động của các doanh nghiệp, dự án trong khu kinh tế, khu công nghiệp theo từng giai đoạn; phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng phương án đào tạo, tuyển dụng, cung ứng lao động đảm bảo đúng quy định, phù hợp với nhu cầu nhân lực và điều kiện thực tế.

b) Hướng dẫn, đôn đốc các doanh nghiệp rà soát, xây dựng kế hoạch sử dụng, tuyển dụng lao động; cung cấp, cập nhật đầy đủ, kịp thời thông tin về số lượng, vị trí việc làm, trình độ, kỹ năng, tiền lương, chế độ, phúc lợi, điều kiện làm việc và tiến độ tuyển dụng; phối hợp tổ chức các hoạt động kết nối cung - cầu lao động và tổng hợp, phản hồi kết quả tuyển dụng.

c) Phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Giáo dục và Đào tạo, Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp triển khai các hoạt động đào tạo theo nhu cầu doanh nghiệp, tư vấn, giới thiệu việc làm, kết nối cung - cầu và thu hút lao động vào làm việc tại các khu kinh tế, khu công nghiệp.

d) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu phát triển hạ tầng xã hội, nhà ở và các dịch vụ thiết yếu phục vụ người lao động tại các khu kinh tế, khu công nghiệp, phù hợp với quy hoạch và khả năng cân đối, huy động nguồn lực theo quy định.

**11. Báo và phát thanh, truyền hình Hà Tĩnh:** tiếp tục thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 223/KH-UBND ngày 24/4/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh; tăng cường tuyên truyền về chủ trương, chính sách phát triển nguồn nhân lực, giáo dục nghề nghiệp, việc làm; xây dựng các chuyên trang, chuyên mục giới thiệu nhu cầu tuyển dụng, ngành nghề có nhu cầu nhân lực lớn, mô hình đào tạo gắn với việc làm và các doanh nghiệp có môi trường, chế độ làm việc tốt; góp phần thay đổi nhận thức của người lao động về học nghề, việc làm và cơ hội làm việc tại tỉnh.

**12. Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh:** tiếp tục triển khai có hiệu quả các chương trình tín dụng chính sách hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm; tạo điều kiện để người lao động, hộ gia đình và các cơ sở sản xuất, kinh doanh đủ điều kiện tiếp cận nguồn vốn phát triển sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm, khởi nghiệp và đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. Ưu tiên triển khai các chương trình tín dụng cho người lao động vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

### **13. Ủy ban nhân dân các xã, phường**

a) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách về phát triển nguồn nhân lực, giáo dục nghề nghiệp, việc làm, đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng và các nội dung của Kế hoạch đến người dân, người lao động và các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn.

b) Thường xuyên rà soát, cập nhật, nắm chắc số lượng, cơ cấu lao động, nhu cầu tìm kiếm việc làm, học nghề, chuyển đổi nghề, đi làm việc ở nước ngoài; lao động đang làm việc ngoài tỉnh, ở nước ngoài có nhu cầu trở về địa phương; nhu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn để phục vụ kết nối cung - cầu lao động.

c) Đa dạng hóa hình thức cung cấp thông tin việc làm thông qua hệ thống thông tin cơ sở, trang thông tin điện tử, nền tảng số, mạng xã hội, các nhóm cộng đồng; thường xuyên niêm yết, cập nhật thông tin tuyển dụng tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường, nhà văn hóa thôn, tổ dân phố và các điểm sinh hoạt cộng đồng để người lao động thuận lợi tiếp cận.

d) Phân công cụ thể cho các tổ chức đoàn thể, thôn, tổ dân phố tăng cường thông tin, tuyên truyền về nhu cầu tuyển dụng, vị trí việc làm, tiền lương, nhà ở, phúc lợi, điều kiện và môi trường làm việc tại các doanh nghiệp, dự án trên địa bàn tỉnh; đồng thời rà soát nhu cầu học nghề, chuyển đổi nghề của người dân; chú trọng tuyên truyền, vận động lao động Hà Tĩnh đang làm việc ngoài tỉnh, ở nước ngoài và lao động có nhu cầu chuyển đổi việc làm trở về làm việc tại địa phương.

đ) Chủ động rà soát nhu cầu đào tạo nghề, chuyển đổi nghề của người dân; phối hợp với cơ sở giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp tổ chức đào tạo gắn với nhu cầu tuyển dụng và cơ hội việc làm thực tế; tuyên truyền, vận động và kết nối người lao động tham gia tuyển dụng tại các doanh nghiệp, dự án, khu kinh tế, khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

e) Chủ động triển khai các giải pháp tạo việc làm tại chỗ, phát triển sản xuất, kinh doanh và sinh kế phù hợp với tiềm năng, lợi thế của địa phương; quan tâm tư vấn, đào tạo nghề, giới thiệu việc làm và hỗ trợ tiếp cận các chính sách việc làm đối với lao động nông thôn, lao động vùng đồng bào dân tộc thiểu số và các nhóm lao động có nhu cầu hỗ trợ đặc biệt là người khuyết tật; lao động thuộc hộ nghèo, cận nghèo; thanh niên chưa có việc làm; lao động mất việc; người sau khi chấp hành xong án phạt tù tái hòa nhập cộng đồng.

g) Tiếp tục triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch số 223/KH-UBND và Văn bản số 5939/UBND-VX<sub>2</sub> ngày 22/6/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh, đảm bảo đúng mục đích, yêu cầu, tiến độ đề ra, thực chất, hiệu quả.

#### **14. Các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh**

a) Chủ động xây dựng kế hoạch, xác định nhu cầu nhân lực; phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh trong đào tạo, tuyển dụng, sử dụng và phát triển nguồn nhân lực; thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách đối với người lao động theo quy định.

b) Tăng cường phối hợp với cơ sở giáo dục, giáo dục nghề nghiệp trong đặt hàng đào tạo, xây dựng chương trình, tổ chức thực hành, thực tập, đánh giá kỹ năng và tuyển dụng người học sau đào tạo; tham gia đào tạo lại, đào tạo nâng cao kỹ năng cho người lao động.

c) Quan tâm cải thiện tiền lương, thu nhập, phúc lợi, điều kiện làm việc, môi trường lao động và cơ hội phát triển nghề nghiệp; thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về lao động, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, an toàn, vệ sinh lao động, góp phần thu hút và giữ chân người lao động.

d) Phối hợp cung cấp, cập nhật và phản hồi thông tin về kết quả tuyển dụng sau các hoạt động kết nối cung - cầu lao động; kịp thời trao đổi, phản ánh những khó khăn,

vướng mắc phát sinh trong quá trình tuyển dụng, sử dụng lao động với cơ quan, đơn vị liên quan.

*(Phân công nhiệm vụ triển khai thực hiện Kế hoạch theo Phụ lục số 02 kèm theo).*

**15. Chế độ thông tin, báo cáo:** các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương căn cứ nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này xây dựng kế hoạch hoặc lồng ghép vào chương trình công tác để tổ chức thực hiện đảm bảo đồng bộ, phù hợp với tình hình thực tế; định kỳ trước ngày 05 tháng 12 hàng năm báo cáo kết quả thực hiện về Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nội vụ theo quy định.

Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành cấp tỉnh; các địa phương; các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ chủ động triển khai thực hiện nghiêm, đảm bảo mục đích, yêu cầu, hiệu quả các nội dung được giao tại Kế hoạch, thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo theo quy định./.

**Nơi nhận:**

- TTr: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Chánh VP, PCVP phụ trách lĩnh vực;
- Trung tâm TT&XTHTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, VX<sub>2</sub>.

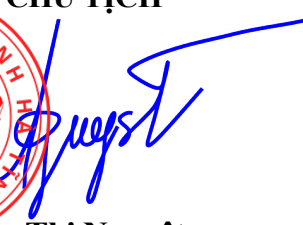


**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**



  
**Nguyễn Thị Nguyệt**

**Phụ lục số 01**  
**CÁC CHỈ TIÊU THỰC HIỆN KẾ HOẠCH**  
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

| STT | Chỉ tiêu                                                                    | Đơn vị | Mục tiêu 2026-2030 | Cơ quan chủ trì, theo dõi, đánh giá |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------|--------|--------------------|-------------------------------------|
| 1   | Giải quyết việc làm (hàng năm)                                              | Người  | 23.000             | Sở Nội vụ                           |
| 2   | Tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2030                                     | %      | 85                 | Sở Nội vụ                           |
| 3   | Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đến năm 2030              | %      | 35-40              | Sở Giáo dục và Đào tạo              |
| 4   | Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội đến năm 2030          | %      | <20                | Sở Nội vụ                           |
| 5   | Tỷ lệ đào tạo lại, đào tạo thường xuyên cho lực lượng lao động đến năm 2030 | %      | 50                 | Sở Giáo dục và Đào tạo              |

Phụ lục số 02

PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

| TT | Nội dung công việc                                                                                                                                                                                                                                                     | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp                                                                                                                               | Sản phẩm/Kết quả                                                                                               | Thời hạn     |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|
| 1  | Theo dõi, phân tích, đánh giá và dự báo cung - cầu lao động; rà soát nhu cầu nhân lực, thiếu hụt lao động và kỹ năng theo ngành, nghề, trình độ, địa bàn; chú trọng nhu cầu tại các khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, dự án lớn và công trình trọng điểm. | Sở Nội vụ       | Sở Giáo dục và Đào tạo; Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh; Trung tâm Dịch vụ việc làm Hà Tĩnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường; các doanh nghiệp     | Báo cáo đánh giá, dự báo cung - cầu lao động, nhu cầu nhân lực; phương án kết nối, điều tiết, thu hút lao động | Hàng năm     |
| 2  | Xây dựng, cập nhật, khai thác hệ thống thông tin thị trường lao động; tăng cường kết nối, chia sẻ dữ liệu về người lao động, việc làm, nhu cầu tuyển dụng, giáo dục, đào tạo, bảo hiểm xã hội.                                                                         | Sở Nội vụ       | Sở Giáo dục và Đào tạo; Bảo hiểm xã hội tỉnh; Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh; Trung tâm Dịch vụ việc làm Hà Tĩnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường | Hệ thống/cơ sở dữ liệu thị trường lao động được cập nhật, kết nối, khai thác                                   | Năm 2027     |
| 3  | Triển khai thực hiện chính sách pháp luật về lao động, tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, an toàn, vệ sinh lao động.                                                                                                                                   | Sở Nội vụ       | Bảo hiểm xã hội tỉnh; Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường; các doanh nghiệp                                           | Các chính sách, giải pháp được triển khai; báo cáo kết quả thực hiện                                           | Thường xuyên |
| 4  | Nâng cao hiệu quả công tác đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; kết nối lao động hoàn thành hợp đồng trở về; thu hút lao động Hà                                                                                                                 | Sở Nội vụ       | Trung tâm Dịch vụ việc làm Hà Tĩnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường; Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh; các doanh nghiệp                             | Các hoạt động tư vấn, kết nối được triển khai; số lao động được hỗ trợ,                                        | Thường xuyên |

| TT | Nội dung công việc                                                                                                                                                                                                                                              | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp                                                                                                                                        | Sản phẩm/Kết quả                                                                                  | Thời hạn       |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|
|    | Tỉnh ngoài tỉnh, ở nước ngoài trở về làm việc tại địa phương.                                                                                                                                                                                                   |                 |                                                                                                                                                         | kết nối, thu hút về tỉnh                                                                          |                |
| 5  | Triển khai, lồng ghép các chương trình, chính sách hỗ trợ tạo việc làm, đào tạo nghề, phát triển sinh kế đối với đồng bào dân tộc thiểu số.                                                                                                                     | Sở Nội vụ       | Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường | Các chương trình, chính sách được triển khai, lồng ghép; báo cáo kết quả hỗ trợ việc làm, sinh kế | Thường xuyên   |
| 6  | Tổ chức các phiên giao dịch việc làm trực tiếp, trực tuyến, lưu động; ngày hội việc làm, phiên giao dịch việc làm chuyên đề, theo cụm địa phương; ưu tiên các địa bàn có nhiều lao động và các doanh nghiệp, dự án có nhu cầu tuyển dụng số lượng lớn.          | Sở Nội vụ       | Trung tâm Dịch vụ việc làm Hà Tĩnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường; Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh; các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; các doanh nghiệp      | Phiên giao dịch việc làm; số lao động được tư vấn, giới thiệu việc làm và tuyển dụng              | Thường xuyên   |
| 7  | Rà soát, cập nhật lao động Hà Tĩnh đang làm việc ngoài tỉnh, lao động đi làm việc ở nước ngoài, học sinh, sinh viên chuẩn bị tốt nghiệp và người lao động có nhu cầu chuyển đổi việc làm, trở về địa phương; cung cấp dữ liệu phục vụ tư vấn, kết nối việc làm. | Sở Nội vụ       | Trung tâm Dịch vụ việc làm Hà Tĩnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường; các doanh nghiệp                                                                    | Báo cáo                                                                                           | Hàng tháng/quý |
| 8  | Tổ chức các hoạt động tư vấn, tuyển dụng, kết nối trực tiếp người lao động Hà Tĩnh ngoài tỉnh, người lao động hoàn                                                                                                                                              | Sở Nội vụ       | Trung tâm Dịch vụ việc làm Hà Tĩnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường; các doanh nghiệp                                                                    | Các hoạt động giao dịch việc làm                                                                  | Thường xuyên   |

| TT | Nội dung công việc                                                                                                                                                                               | Cơ quan chủ trì              | Cơ quan phối hợp                                                                                        | Sản phẩm/Kết quả                                                                                        | Thời hạn                  |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|
|    | thành hợp đồng ở nước ngoài trở về làm việc ở các doanh nghiệp, khu kinh tế, khu công nghiệp và các dự án trên địa bàn tỉnh.                                                                     |                              |                                                                                                         |                                                                                                         |                           |
| 9  | Đẩy mạnh phân luồng, hướng nghiệp; gắn quy mô, cơ cấu ngành, nghề và trình độ đào tạo với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, thị trường lao động và nhu cầu sử dụng nhân lực của doanh nghiệp. | Sở Giáo dục và Đào tạo       | Các cơ sở giáo dục, giáo dục nghề nghiệp; Ủy ban nhân dân các xã, phường                                | Kế hoạch/chương trình hướng nghiệp, phân luồng, ngành, nghề và quy mô đào tạo được rà soát, điều chỉnh  | Hàng năm                  |
| 10 | Triển khai đào tạo theo nhu cầu, đặt hàng của doanh nghiệp; nghiên cứu triển khai mô hình đào tạo nghề kép, tăng thời lượng thực hành, thực tập tại doanh nghiệp.                                | Sở Giáo dục và Đào tạo       | Sở Nội vụ; Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh; các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; các doanh nghiệp               | Các chương trình/mô hình đào tạo theo nhu cầu, đặt hàng; chương trình liên kết đào tạo với doanh nghiệp | Hàng năm                  |
| 11 | Triển khai đào tạo lại, đào tạo nâng cao, kỹ năng số, kỹ năng xanh, kỹ năng nghề mới; đào tạo nghề cho lao động nông thôn, lao động vùng đồng bào dân tộc thiểu số gắn với việc làm, sinh kế.    | Sở Giáo dục và Đào tạo       | Sở Nội vụ; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; Ủy ban nhân dân các xã, phường | Các khóa/chương trình đào tạo được tổ chức; người lao động được đào tạo, nâng cao và chuyển đổi kỹ năng | Hàng năm                  |
| 12 | Rà soát nhu cầu lao động của doanh nghiệp, dự án trong các khu kinh tế, khu công nghiệp; hướng dẫn xây dựng kế                                                                                   | Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh | Sở Nội vụ; Trung tâm Dịch vụ việc làm Hà Tĩnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường                           | Báo cáo nhu cầu tuyển dụng; kế hoạch/phương án                                                          | Hàng tháng/ hoặc đột xuất |

| TT | Nội dung công việc                                                                                                                                                                                                          | Cơ quan chủ trì              | Cơ quan phối hợp                                                                                             | Sản phẩm/Kết quả                                                    | Thời hạn                               |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|
|    | hoạch sử dụng, tuyển dụng lao động; phối hợp đào tạo, cung ứng, thu hút lao động.                                                                                                                                           |                              |                                                                                                              | đào tạo, kết nối, cung ứng lao động                                 | khi có phát sinh                       |
| 13 | Tham mưu Chương trình lồng ghép phát triển việc làm, sinh kế bền vững cho lao động nông thôn gắn với nông nghiệp công nghệ cao, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế rừng, ngành nghề nông thôn, OCOP và chuỗi giá trị. | Sở Nông nghiệp và Môi trường | Sở Công Thương; Sở Khoa học và Công nghệ; Ủy ban nhân dân các xã, phường                                     | Chương trình/ Kế hoạch                                              | Hàng năm                               |
| 14 | Tham mưu hỗ trợ các mô hình sinh kế, sản xuất, tạo việc làm tại chỗ cho đồng bào dân tộc thiểu số gắn với lợi thế địa phương và phát triển bền vững.                                                                        | Sở Nông nghiệp và Môi trường | Sở Nội vụ; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường | Các mô hình sinh kế, sản xuất, tạo việc làm được hỗ trợ, triển khai | Hàng năm                               |
| 15 | Triển khai các giải pháp phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số gắn với nâng cao năng suất lao động; hỗ trợ ứng dụng, đổi mới, chuyển giao công nghệ và phát triển nguồn nhân lực công nghệ.       | Sở Khoa học và Công nghệ     | Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Nội vụ; các sở, ban, ngành có liên quan; các doanh nghiệp                         | Nghị quyết/Quyết định/Kế hoạch                                      | Thường xuyên trong giai đoạn 2026-2030 |
| 16 | Tham mưu chính sách phát triển việc làm gắn với công nghiệp, thương mại, logistics, công nghiệp hỗ trợ và cụm công nghiệp; theo dõi nhu cầu nhân lực thuộc các ngành, lĩnh vực quản lý.                                     | Sở Công Thương               | Sở Nội vụ; Sở Giáo dục và Đào tạo; Trung tâm Dịch vụ việc làm Hà Tĩnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường        | Kế hoạch/chương trình                                               | Hàng năm                               |

| TT | Nội dung công việc                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Cơ quan chủ trì                     | Cơ quan phối hợp                                                                                                  | Sản phẩm/Kết quả                                                                                              | Thời hạn       |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|
| 17 | Tham mưu chính sách phát triển nhà ở xã hội, nhà ở cho công nhân, người lao động và hạ tầng thiết yếu tại khu vực tập trung đông lao động.                                                                                                                                                                  | Sở Xây dựng                         | Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh;<br>các sở, ban, ngành có liên quan;<br>Ủy ban nhân dân các xã, phường               | Nghị quyết/Chương trình/ Kế hoạch                                                                             | Hằng năm       |
| 18 | Phối hợp triển khai các cơ chế, chính sách, chương trình, đề án về phát triển du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số; bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống gắn với xây dựng sản phẩm du lịch, góp phần tạo sinh kế, việc làm và nâng cao thu nhập cho người dân. | Sở Văn hóa,<br>Thể thao và Du lịch  | Sở Nông nghiệp và Môi trường;<br>Ủy ban nhân dân các xã, phường                                                   | Triển khai các cơ chế, Chương trình, Kế hoạch                                                                 | Hằng năm       |
| 19 | Triển khai tín dụng chính sách hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm, phát triển sản xuất, kinh doanh và đi làm việc ở nước ngoài.                                                                                                                                                                 | Ngân hàng<br>Chính sách xã hội tỉnh | Các sở, ngành, tổ chức chính trị - xã hội; Ủy ban nhân dân các xã, phường                                         | Dự án được vay vốn                                                                                            | Hằng năm       |
| 20 | Thu thập, phân loại dữ liệu người tìm việc; tư vấn, hướng nghiệp, giới thiệu việc làm, cung ứng lao động; tổ chức phiên giao dịch việc làm trực tiếp, trực tuyến, lưu động, chuyên đề và theo cụm địa phương.                                                                                               | Trung tâm Dịch vụ việc làm Hà Tĩnh  | Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh;<br>Ủy ban nhân dân các xã, phường; các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; các doanh nghiệp | Cơ sở dữ liệu người tìm việc được cập nhật; số lao động được tư vấn, giới thiệu, cung ứng và kết nối việc làm | Hằng năm       |
| 21 | Rà soát, cập nhật số lượng, cơ cấu lao động, nhu cầu tìm việc, học nghề, chuyển đổi nghề, đi làm việc ở nước ngoài; lao                                                                                                                                                                                     | Ủy ban nhân dân các xã, phường      | Sở Nội vụ; Trung tâm Dịch vụ việc làm Hà Tĩnh; các cơ sở                                                          | Báo cáo                                                                                                       | Hằng tháng/quý |

| TT | Nội dung công việc                                                                                                                                                                | Cơ quan chủ trì                        | Cơ quan phối hợp                                                                                    | Sản phẩm/Kết quả              | Thời hạn     |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|--------------|
|    | động ngoại tỉnh, ở nước ngoài có nhu cầu trở về; tuyên truyền, kết nối việc làm.                                                                                                  |                                        | giáo dục nghề nghiệp; các doanh nghiệp                                                              |                               |              |
| 22 | Đẩy mạnh truyền thông về phát triển nguồn nhân lực, giáo dục nghề nghiệp, việc làm; phổ biến nhu cầu tuyển dụng, chính sách thu hút lao động, ngành nghề có nhu cầu nhân lực lớn. | Báo và phát thanh, truyền hình Hà Tĩnh | Sở Nội vụ; Sở Giáo dục và Đào tạo; Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh; Trung tâm Dịch vụ việc làm Hà Tĩnh | Chương trình/phóng sự/tin bài | Thường xuyên |
| 23 | Đổi mới chương trình, nội dung, phương thức đào tạo; mở rộng đào tạo theo đặt hàng, đào tạo lại, đào tạo nâng cao; tăng cường hợp tác với doanh nghiệp.                           | Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp         | Sở Giáo dục và Đào tạo; doanh nghiệp                                                                | Chương trình                  | Hàng năm     |